

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Lê Hằng Nam¹, Võ Quang Minh², Ngô Quốc Kiệt²

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu đánh giá thực trạng thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp (TCCNN) tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2020. Qua đánh giá kết quả thực hiện đề án TCCNN, đánh giá chung thuận lợi, khó khăn hạn chế và từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp trong thời gian tới. Số liệu được thu thập từ Niên giám thống kê qua các năm, các báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang. Phương pháp thu thập, phân tích và tổng hợp được sử dụng để khai thác tối ưu nguồn thông tin, dữ liệu. Bên cạnh đó, nghiên cứu dùng phương pháp so sánh để đánh giá được thuận lợi, khó khăn trong quá trình TCC với các tỉnh lân cận và đề xuất giải pháp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Kết quả cho thấy, đề án TCCNN tỉnh An Giang được xây dựng phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phát huy được những tiềm năng nông nghiệp của khu vực, các chỉ tiêu rõ ràng cho từng lĩnh vực. Quá trình thực hiện có những tiến triển thuận lợi, đa dạng song còn nhiều hạn chế tồn tại, chưa đạt được mục tiêu đề ra; nguyên nhân của những khó khăn là tiền đề quan trọng để đề xuất phương hướng và các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của An Giang. Qua đó, mong muốn tháo gỡ được những "nút thắt" trong quá trình phát triển nền nông nghiệp An Giang theo hướng bền vững.

Từ khóa: Thực trạng, tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh An Giang, nông nghiệp An Giang.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 899/QĐ-TTg của về việc phê duyệt Đề án ngành nông nghiệp; theo đó, tái cơ cấu ngành theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng, miền; An Giang là tỉnh trọng điểm nông nghiệp, diện tích sản xuất và sản lượng lúa đứng đầu vùng chiếm 45% diện tích và chiếm đến 63,9% sản lượng; sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm 47,4% so với toàn vùng ĐBSCL (Tổng cục Thống kê, 2019). Trong bối cảnh hội nhập, nền nông nghiệp An Giang đang đối mặt với các nguy cơ và thách thức như: chi phí sản xuất cao, giá nông sản không ổn định (Lê Cảnh Dũng và Võ Văn Tuấn, 2014), đất đai manh mún hiệu quả sản xuất

giảm, cạnh tranh thị trường. Trong khi đó, tỉnh cũng đối mặt với suy giảm độ phì đất đến 40,21% diện tích toàn tỉnh (Nguyễn Thị Phương Đài và *ctv.*, 2017). UBND tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 929/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020". Sau hơn 5 năm thực hiện Đề án, An Giang đã gặt hái được nhiều kết quả. Tuy vậy, quá trình TCCNN tại An Giang vẫn gặp những khó khăn và hạn chế nhất định. Do đó, cần thiết là phải đánh giá quá trình thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang trong thời gian qua để có định hướng, giải pháp phù hợp giải quyết các hạn chế hiện có, phát huy tối đa tiềm năng về điều kiện tự nhiên và con người để nâng cao giá trị và phát triển ngành nông nghiệp, phát triển bền vững trong tương lai gần. Vì vậy, nghiên cứu "Đánh giá thực trạng thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2020" cần được thực hiện.

¹Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang

²Bộ môn Tài nguyên đất đai, Khoa Môi trường và TNTN, Trường Đại học Cần Thơ

*Email: vqminh@ctu.edu.vn; ĐT: 0913 604 101

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập

Thu thập số liệu thứ cấp có liên quan từ nhiều nguồn khác nhau như: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Cục Thống kê An Giang, Sở Nông nghiệp và PTNN, Sở Tài nguyên Môi trường trong giai đoạn 2015 - 2020. Ngoài ra, nghiên cứu cũng kế thừa các kết quả nghiên cứu có liên quan đến tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển bền vững,... đã được công bố như: "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp nước ta hiện nay" của Vương Đình Huệ; "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Việt Nam" của Nguyễn Đình Long và Nguyễn Thị Hải Yến; "Cơ sở khoa học và giải pháp chủ yếu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng ĐBSCL" Luận án tiến sĩ của Nguyễn Trọng Uyên.

2.2. Phương pháp thống kê mô tả và đánh giá

Các số liệu đã thu thập được phân nhóm, chọn lọc và tổng hợp theo giai đoạn thể hiện bằng bảng và biểu đồ nhằm so sánh đánh giá khách quan nhất các chỉ tiêu của đề án đã định hướng để đánh giá kết quả thực hiện Tái cơ cấu nông nghiệp. Qua đó, xác định, đánh giá các chỉ tiêu đạt/chưa đạt sau quá trình thực hiện.

2.3. Phương pháp phân tích

Từ kết quả đánh giá tiến hành phân tích các các chỉ tiêu đạt/chưa đạt sau quá trình thực hiện. Từ đó, tìm ra những thuận lợi và hạn chế; những chỉ tiêu chưa đạt để tìm ra những khó khăn gặp phải, những yếu tố ảnh hưởng. Đồng thời, đưa ra những nguyên nhân dẫn đến những khó khăn trên.

2.4. Phương pháp đánh giá đề xuất

Dựa trên những kết quả phân tích đánh giá được đề xuất và định hướng các giải pháp để phát triển nông nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, đúc kết kinh nghiệm từ các đề án Tái

cơ cấu ngành nông nghiệp của các vùng lân cận hay những vùng có nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội để tìm ra phương hướng, những giải pháp phù hợp với điều kiện của địa bàn nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

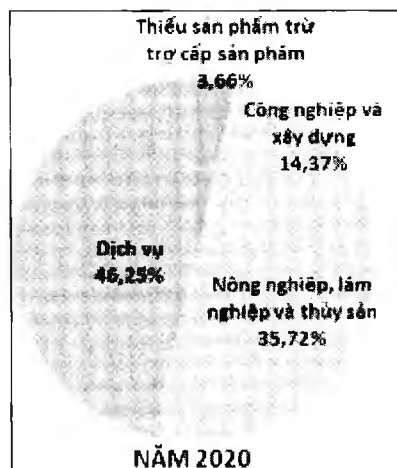
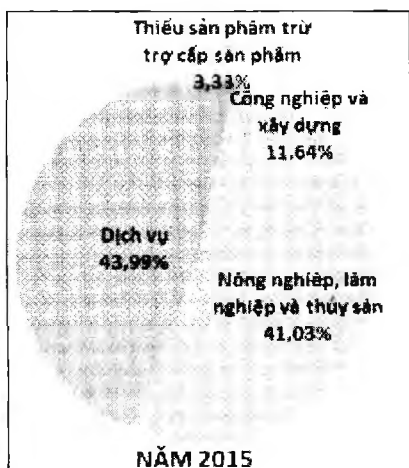
3.1. Tổng quan Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020

Sau Quyết định số 899/2013/QĐ-TTg, năm 2015 Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 929/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020" với mục tiêu: Duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp; Chuyển dịch nội bộ cơ cấu ngành nông nghiệp; Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp; Thực hiện xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm TCC; Nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện sống cho cư dân nông thôn. Nội dung đề án được xây dựng chi tiết cho từng ngành hàng và chia thành: Ngành hàng chủ lực: lúa gạo, rau màu, cá tra; Ngành hàng tiềm năng: chăn nuôi bò, nấm ăn nấm dược liệu (UBND tỉnh An Giang, 2015).

3.2. Kết quả thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2020

3.2.1. Đánh giá tổng quan các mục tiêu đạt được đến năm 2020

Qua nghiên cứu, xác định cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch rõ rệt, tích cực tăng tỷ trọng ngành dịch vụ và công nghiệp và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Tuy gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn 2019 - 2020 do dịch Covid nhưng tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh đạt được nhiều tiến triển tốt. Từ năm 2015 đến năm 2020, khu vực nông - lâm - thủy sản giảm mạnh từ 41,03% xuống còn 35,72% trong cơ cấu kinh tế; đồng thời tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 11,64% lên 14,37% và khu vực dịch vụ tăng từ 43,99% lên 46,25% (Hình 1).



Nguồn: Cục Thống kê An Giang, 2020.

Hình 1. Cơ cấu tổng sản phẩm theo giá hiện hành năm 2015 và năm 2020

An Giang là một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng trung bình duy trì ở mức cao nhưng có xu hướng giảm, cụ thể là 9,11% (2001 - 2005), 10,34% (2006 - 2010) và 8,63% (2011 - 2015) (Cục Thống kê An Giang, 2015). Giai đoạn 2015 - 2020, kinh tế toàn tỉnh tăng trưởng qua từng năm, phù hợp với nguồn lực địa phương, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm ước đạt 5,25%/năm. Cho thấy, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành nông nghiệp trong giai đoạn này duy trì ổn định ở mức khá cao.

Nội bộ cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp và thủy sản (Bảng 1). So với năm 2015, quỹ đất nông nghiệp tỉnh An Giang giảm 1.932,08 ha. Trong đó: Tổng diện tích đã chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang rau dưa các loại là 9.300 ha, chuyển đổi sang cây màu 9.262 ha, chuyển đổi sang cây ăn trái 7.054 ha. Tính theo từng năm thì năm 2017 chuyển đổi được 6.520 ha, năm 2018 là 7.006 ha, năm 2019 chuyển đổi 5.714 ha. Bên cạnh đó, diện tích cây lâu năm tăng 7,67 ngàn ha trong giai đoạn 2015 - 2020. Diện tích mặt nước nuôi cá tra năm 2020 đạt khoảng 2.400 ha, trong đó, diện tích có doanh nghiệp liên kết tiêu thụ là 1.712 ha (chiếm 70%) (UBND tỉnh An Giang, 2020).

Bảng 1. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp An Giang giai đoạn 2015 - 2020 (ha)

Năm	Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất nuôi trồng thủy sản
2015	282.754,14	12.268,64	2.480,20
2016	282.773,65	12.572,70	2.586,90
2017	282.676,81	11.616,46	2.711,92
2018	282.625,75	11.590,17	4.014,89
2019	279.328,06	11.642,57	5.530,36
2020	279.178,23	11.596,00	5.531,20

Nguồn: Cục Thống kê An Giang, 2020.

Các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp và mối quan hệ sản xuất trong TCC ngày càng được củng cố phát triển: HTX, tổ hợp tác, cánh đồng lớn. Theo UBND tỉnh tính đến tháng 3/2020, toàn tỉnh có 142 HTX nông nghiệp, với 11.676 thành viên, trong đó có 132 HTX nông nghiệp đang hoạt động và tổ chức theo Luật HTX 2012.

Hệ thống kế cấu hạ tầng nông nghiệp được củng cố, năm 2020 toàn tỉnh tăng gần 1.000 công trình so năm 2014, phục vụ cho hơn 256.000 ha đất canh tác nông nghiệp và 3.878 ha đất nuôi trồng thủy sản. Trên các

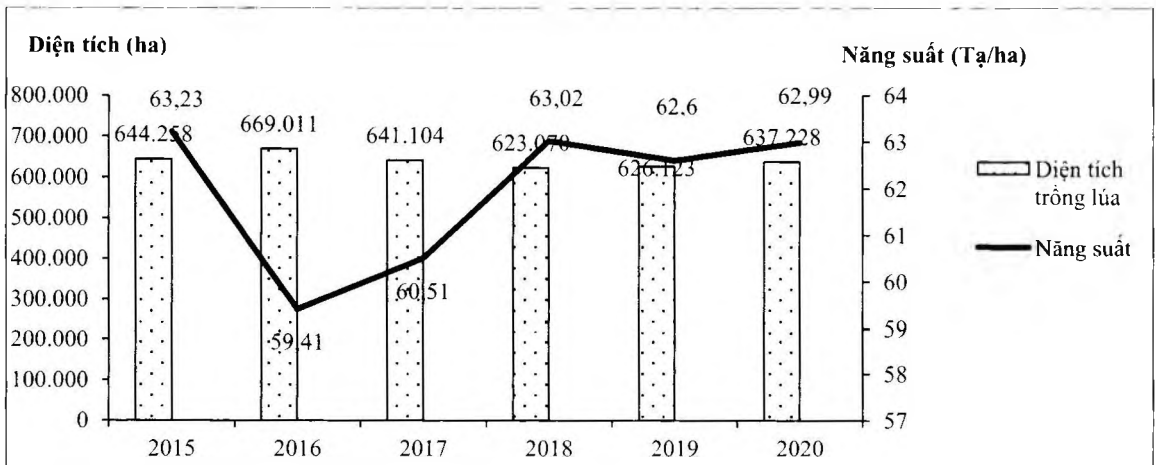
sông, kênh có 3.126 công trình thủy lợi. Đối với hệ thống đê bao, có 417 tiểu vùng bao triệt để với 1.649 công trình, dài 4.027 km, kiểm soát lũ cho 188.976 ha. Trong khi đó, cống có 2.900 công trình; kè có 115 công trình, dài 46,1 km. Đồng thời, có 16 hồ chứa nước với dung tích gần 4,78 triệu m³, còn có 2.183 trạm bơm. Cho thấy nỗ lực của tỉnh trong củng cố kế cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. Ngoài ra, nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp cũng được tỉnh chú trọng.

3.2.2. Kết quả thực hiện TCCNN trên từng lĩnh vực

a) Trồng trọt

Lúa gạo: Tỉnh duy trì ổn định công tác nhân giống lúa xác nhận, tỷ lệ sử dụng giống

chất lượng cao đến nay đạt hơn 70% diện tích chủ yếu với các giống: Đài thơm 8, Jasmine 85, OM 9582,... Tăng cường nghiên cứu các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm lúa gạo hình thành các vùng tập trung có thể kể đến như: vùng chuyên canh sản xuất lúa nếp Phú Tân, vùng chuyên canh sản xuất lúa Jasmine theo tiêu chuẩn GlobalGAP ở Châu Phú,... Để khai thác tốt hơn tiềm năng đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hạn chế tác động bất lợi của khí hậu đối với sản xuất tỉnh chuyển đổi hơn 25.599 ha từ diện tích lúa kém hiệu quả sang rau màu, cây ăn trái (Cục Thống kê tỉnh An Giang, 2020). Hiệu quả này được thể hiện qua số liệu về năng suất lúa được cải thiện trong giai đoạn chuyển đổi năm 2017 - 2020 theo Quyết định số 3410/QĐ-UBND tỉnh (Hình 2).

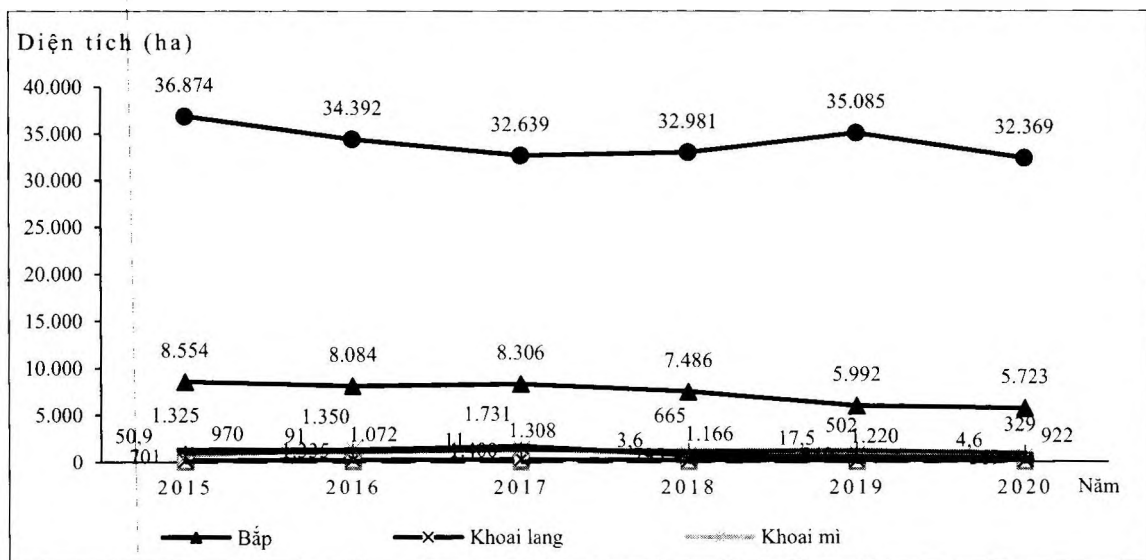


Nguồn: Cục Thống kê An Giang, 2020.

Hình 2. Diện tích, năng suất, sản lượng lúa hàng năm tỉnh An Giang (2015 - 2020)

Rau màu: Tỉnh phát triển đa dạng các sản phẩm: phần lớn là rau dưa; còn lại là các loại: đậu, hoa, cây cảnh và các loại cây dược liệu (Hình 3). Theo Quyết định số 1349/QĐ-UBND tỉnh An Giang Phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau, màu ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Theo đó, tỉnh đã xây dựng khung mùa vụ sản xuất khoa học, linh hoạt với nhiều mô hình,

các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết giữa các doanh nghiệp và tổ chức nông dân, nông dân ngày càng được quan tâm và mở rộng đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Một số mô hình tiêu biểu như: sản xuất rau trong nhà lưới, nhà màng, hệ thống tưới phun tự động, tiêu chuẩn chất lượng VietGAP.

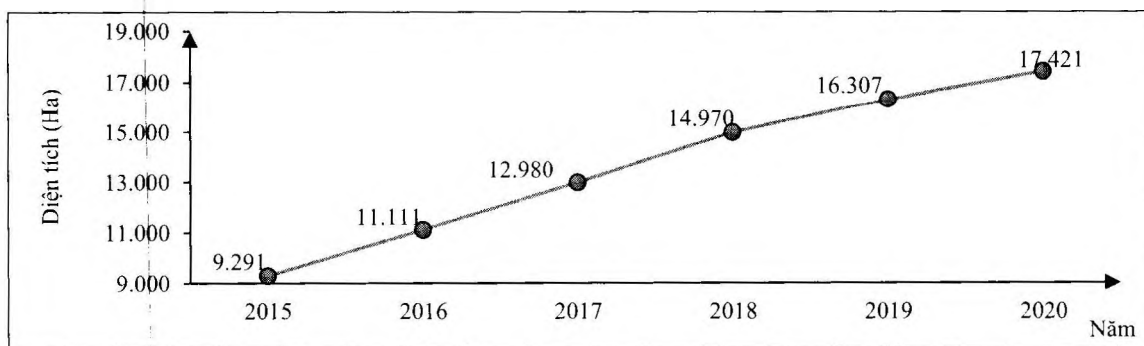


Nguồn: Cục Thống kê An Giang, 2020.

Hình 3. Diện tích một số loại rau màu chính tại tỉnh An Giang (2015 - 2020)

Cây ăn quả: Được xác định là một trong nhóm sản phẩm tiềm năng, số liệu Hình 4 cho thấy 2015 - 2020 diện tích cây ăn trái tăng mạnh qua các năm từ 9.290,7 ha lên 17.420,6 ha. Để đạt được kết quả cao trên tình đã thực hiện, chỉ đạo và ra Quyết định số 1819/QĐ-UBND nhằm quy hoạch lại vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung, định hướng một số cây ăn quả trong tỉnh gắn với xây dựng nông thôn mới ở từng

xã, huy động được các nguồn lực xã hội và các thành phần kinh tế, từng bước đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao. Ví dụ: xoài ba màu, bưởi da xanh hướng tiêu chuẩn GAP gắn với du lịch sinh thái tại các xã cũ lao huyện Chợ Mới, xoài Cát Hòa Lộc Tịnh Biên, chuối nuôi cấy mô ở Tri Tôn, bưởi da xanh Thoại Sơn, nhãn xoồng cơm vàng Châu Phú,...



Nguồn: Cục Thống kê An Giang, 2020.

Hình 4. Biểu đồ diện tích trồng cây ăn quả tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2020

Nấm ăn nấm dược liệu: Được xem là một trong những ngành hàng tiềm năng. Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 07/3/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu ứng dụng công nghệ cao tỉnh An

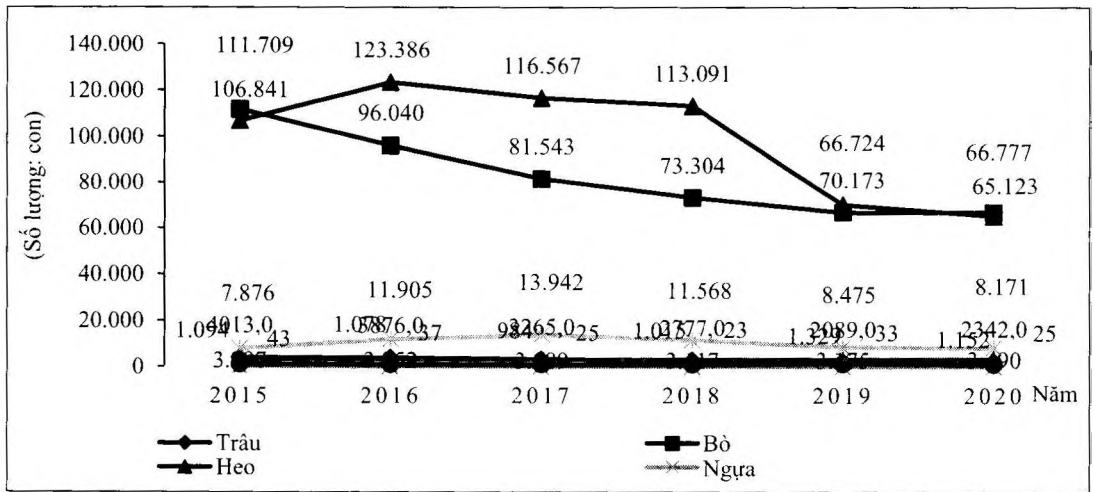
Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Chủ trương ứng dụng những tiến bộ về kỹ thuật để nâng cao giá trị nghề trồng nấm từ khâu chọn giống đến công nghệ nuôi trồng, chế biến và bảo quản sản phẩm. Bước đầu đạt

được hiệu quả cao, đến năm 2020, diện tích trồng nấm rơm của tỉnh đạt 390 ha, sản lượng đạt từ 3.500 - 3.900 tấn/năm. Phát triển mạnh ở các địa phương như: Châu Thành, Thoại Sơn, Chợ Mới, TP. Long Xuyên.

b) Chăn nuôi

Thực hiện Quyết định số 494/QĐ-UBND, tỉnh đã tận dụng điều kiện thuận lợi về nhân lực, đất đai, nguồn nước, địa hình để phát

triển ngành chăn nuôi theo hướng hiện đại và bền vững, các loài vật nuôi có giá trị kinh tế cao, quy mô lớn tập trung, ít dịch bệnh, phù hợp, thích nghi tốt với điều kiện đặc thù của mỗi địa phương. Tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tốt trong phát triển bền vững chăn nuôi, tuy nhiên vật nuôi trọng tâm của tỉnh là chăn nuôi heo và bò có nhiều biến động điều này cho thấy chăn nuôi của tỉnh còn thiếu bền vững (Hình 5).



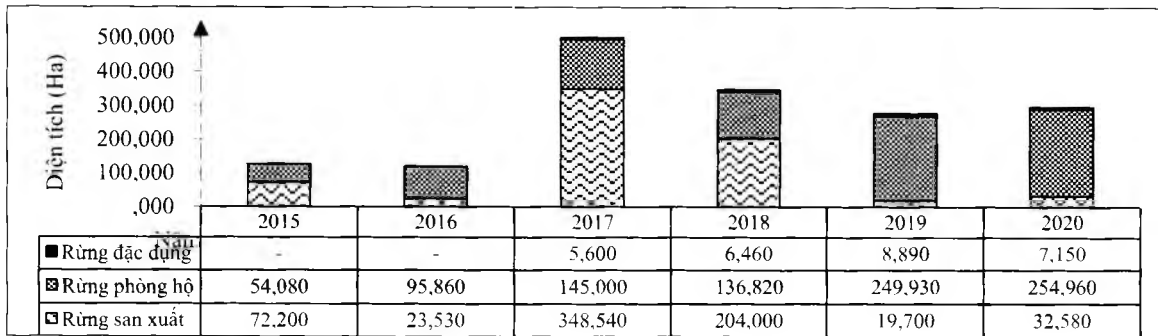
Nguồn: Cục Thống kê An Giang, 2020.

Hình 5. Số lượng vật nuôi chính tại tỉnh An Giang (2015 - 2020)

c) Lâm nghiệp

Tỉnh đã mở rộng diện tích, thực hiện thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất. Triển khai các dự án bảo tồn hệ sinh thái rừng gắn với phát triển tiềm năng du lịch, xây dựng và triển khai 35 phương

án bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng từ tỉnh đến cơ sở, vì vậy diện tích rừng trong tỉnh được bảo vệ tốt. Tuy kết quả cho thấy diện tích rừng giảm nhưng tỉnh đạt được kết quả cao trong tăng diện tích rừng phòng hộ lên 254,96 ha vào năm 2020 (Hình 6).



Nguồn: Cục Thống kê An Giang, 2020.

Hình 6. Biểu đồ diện tích rừng trồng mới tỉnh An Giang (2015 - 2020)

d) Thủy sản

Nuôi cá là lĩnh vực chủ lực của tỉnh, chiếm 63,5% năm 2015 và chiếm 53,3% trong tổng diện tích nuôi thủy sản. Trong đó, mặt hàng cá tra là sản phẩm chủ lực của tỉnh. Những năm qua NCT\$ có sự phục hồi và tăng trưởng tốt tính đến 2020 đã tăng 829,37 ha so với 2015

(Bảng 2). Một số vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao đã được hình thành và phát triển thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư. Cuối năm 2019, diện tích các vùng nuôi do doanh nghiệp đầu tư và có liên kết doanh nghiệp chiếm 89%.

Bảng 2. Diện tích nuôi trồng thủy sản tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2020

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)	2.480,20	2.586,90	2.711,92	3.309,65	3.455,78	3.309,57
Diện tích nuôi trồng cá (ha)	1.575,32	1.689,55	1.696,68	1.889,57	1.874,50	1.764,12
Diện tích nuôi trồng tôm (ha)	346,23	214,14	82,50	130,47	20,15	18,80

Nguồn: Cục Thống kê An Giang, 2020.

3.3. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2020

Qua quá trình đánh giá nhận thấy tỉnh có nhiều điều kiện thuận lợi trong thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2015 - 2020 như: cơ chế chính sách từ Trung ương đến địa phương được ban hành chỉ đạo đến các cấp, các ngành tạo điều kiện tối ưu cho quá trình TCCNN; Xác định đúng trọng tâm, trọng điểm để tập trung nguồn lực đầu tư, cơ cấu cây trồng, vật nuôi khai thác tối đa những thế mạnh của vùng và thích ứng tốt với điều kiện thay đổi; Hội nhập quốc tế mạnh mẽ, cơ hội mở rộng thị trường, thu hút đầu tư; Sự năng động và sáng tạo của nông dân.

Tuy nhiên, tỉnh cũng còn gặp một số khó khăn, hạn chế như: Tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp còn thấp và cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch chậm, chưa thật sự đột phá; Cơ chế, chính sách liên quan đến TCC ngành nông nghiệp chưa hoàn thiện, còn nhiều bất cập; Tổ chức sản xuất nông nghiệp còn thể hiện tính kém liên kết trên nhiều góc độ; Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nông nghiệp còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ; Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại vào sản xuất, chế biến, còn nhiều hạn chế, chưa tạo được đột phá; Thị trường tiêu thụ nông sản thiếu bền vững, chưa đủ đáp ứng được sức

sản xuất lớn và đang gia tăng của nền nông nghiệp hàng hóa.

Nguyên nhân là do tình xuất phát điểm kinh tế khu vực nông thôn thấp, tập quán canh tác theo hương truyền thống, sản xuất nhỏ lẻ, ruộng đất manh mún, phân tán. Cách thức tổ chức sản xuất nông nghiệp chưa hợp lý, chưa được chú trọng thay đổi theo quy luật khách quan của phát triển nông nghiệp hàng hóa theo quy mô, gắn với công nghiệp chế biến ngay tại vùng sản xuất và bám sát thị trường tiêu thụ đã kéo dài nhiều năm qua. Nguyên nhân nguồn lực để triển khai, phục vụ Tái cơ cấu ngành nông nghiệp chưa đảm bảo. Chất lượng, trình độ lực lượng lao động nông nghiệp còn thấp đã cản trở chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp.

3.4. Phương hướng và giải pháp thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh An Giang trong thời gian tới

Tỉnh An Giang cần có phương hướng khắc phục hạn chế tận dụng thuận lợi trong giai đoạn tới là: cơ cấu lại nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới, nhằm tạo đột phá trong phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng nông thôn mới, cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần

xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường vùng ĐBSCL. Chuyển đổi mạnh mẽ từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang kinh tế nông nghiệp hiện đại, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của thị trường đầu ra. Tập trung xử lý các yếu tố nội tại, cùng với sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, biến nguy cơ thành thời cơ. Ưu tiên tạo đột phá trong phát triển chế biến và thương mại hóa chuỗi giá trị nông nghiệp và nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Xây dựng nông nghiệp An Giang theo hướng phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với thực hiện cách mạng công nghiệp 4.0. Sản phẩm nông nghiệp An Giang có chất lượng, hiệu quả, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, có thương hiệu, mẫu mã hàng hóa, thích nghi với nhiều loại thị trường, nhiều tiêu chuẩn quốc tế và khả năng cạnh tranh cao. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, định hướng chiến lược phát triển nông nghiệp theo trục thủy sản - trái cây - lúa gạo, phát triển các ngành hàng có lợi thế dựa trên các trụ cột sau:

- Đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nhằm gia tăng chất lượng, giá trị sản phẩm;

- Xây dựng thương hiệu sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn thị trường nội địa và xuất khẩu;

- Phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, xem doanh nghiệp là đầu tàu thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nông sản;

- Phát triển mạnh mẽ kinh tế hợp tác một cách đồng bộ các loại hình: hợp tác xã sản xuất, hợp tác xã dịch vụ và hợp tác xã tiêu thụ nông sản.

Thực hiện các biện pháp sau: rà soát, điều chỉnh quy hoạch; Đổi mới hình thức tổ chức SXNN; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách khuyến khích phát triển KTNN, nông thôn và thu hút đầu tư; Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ KH-CN vào sản xuất; Tổ chức tốt đào tạo nghề cho nông dân; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp.

4. KẾT LUẬN

Quá trình thực hiện TCCNN ở An Giang đang có những tiến triển thuận lợi, đa dạng song còn phụ thuộc nhiều yếu tố như: trình độ dân trí, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dân số, lao động. Hiệu quả TCCNN đem lại ý nghĩa trên nhiều mặt cả về kinh tế và xã hội với sự thay đổi tích cực bộ mặt nông thôn của tỉnh An Giang một cách rõ rệt như: hình thành và phát triển các vùng chuyên canh sản xuất lúa, rau màu, cây ăn trái, thủy sản; cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi chuyển dịch theo hướng tích cực nâng cao được giá trị sản phẩm; thu nhập người dân được cải thiện và chất lượng đời sống được nâng cao. Tuy nhiên, tiến trình TCCNN trong tỉnh còn nhiều hạn chế, khó khăn, nguyên nhân xuất phát từ nhiều phía như: cơ chế chính sách thực hiện, nguồn lực triển khai, vốn đầu tư và tác động của các yếu tố khách quan như thiên tai, dịch bệnh. Từ đó, những phương hướng được đề xuất tập trung khắc phục được những hạn chế hiện có ở nguồn lực thực hiện, triển khai và giải pháp cũng được kiến nghị trên cơ sở phát huy những lợi thế, tiềm năng hiện có và giải quyết đồng bộ những khó khăn trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2013). Quyết định số 899/QĐ-TTG ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.
2. Cục Thống kê An Giang (2020a). Báo cáo tình hình KT - XH tỉnh An Giang năm 2020.
3. Cục Thống kê An Giang (2020b). Niên giám thống kê tỉnh An Giang năm 2020.
4. Lê Cảnh Dũng và Võ Văn Tuấn (2014). Nhân tố ảnh hưởng việc thực hiện 1 Phai 5 Giảm trong

- canh tác lúa ở đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 7/2014, 27 - 36.
5. Nguyễn Hữu Thịnh (2018), Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang để ứng phó với biến đổi khí hậu, Luận án tiến sĩ Kinh tế Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 6. Nguyễn Thị Phương Đài, Võ Quang Minh và Lê Văn Khoa (2017), Đánh giá tiềm năng suy giảm độ phì nhiêu đất tỉnh An Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề: Môi trường và Biến đổi khí hậu (2): 11 - 17.
 7. Tổng cục Thống kê (2019), Niên giám thống kê 2019.
 8. UBND tỉnh An Giang (2021), Nông nghiệp An Giang cần hướng đến mục tiêu chuyển đổi số. <https://angiang.gov.vn/wps/portal/Home/chi-tiet-tin-tuc/nong-nghiep-an-giang-can-huong-den-muc-tieu-chuyen-doi-so>.
 9. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2012), Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 29/11/2012 về việc ban hành Kế hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
 10. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2015), Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 02/06/2015 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020.
 11. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2017), Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh An Giang về Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang rau, màu và cây ăn trái giai đoạn 2017 - 2020.

SUMMARY

Assessment of the implementation of agricultural restructuring in An Giang province in the period of 2015 - 2020

Le Hang Nam¹, Vo Quang Minh², Ngo Quoc Kiet²

¹Department of Natural Resources and Environment of An Giang province, Vietnam

²Department of Land Resources, College of Environment and Natural resources, Cantho University, Vietnam

The study was carried out with the objective of assessment of the implementation of agricultural restructuring in An Giang province in the period of 2015 - 2020. By describing the current status of the scheme, evaluating the results of implementing agricultural restructuring, assessing favorable general price, difficulties and limitations and from there to propose directions and solutions in the coming time. The data are collected from the Statistical Yearbook over the years at the An Giang Statistical Office, the reports of the An Giang Department of Agriculture and Rural Development. Methods of collecting, analyzing and synthesizing are used to optimally exploit information and data sources. In addition, the study uses the comparative method to assess the advantages and disadvantages in the process of restructuring with neighboring provinces and propose solutions suitable to local realities. The results show that the agricultural restructuring project in An Giang province is built in accordance with the characteristics, natural and socio-economic conditions, promoting the agricultural potentials of the region, with clear targets, clear for each field. The implementation process has made favorable and diversified progress, but there are still many limitations that exist, and the set objectives have not been achieved; The cause of the difficulties is an important premise to propose directions and solutions suitable to the actual situation of An Giang. Thereby, we want to remove the "knots" in the process of developing An Giang agriculture in a sustainable way.

Keywords: Agricultural restructuring in An Giang province, An Giang agriculture.

Người phản biện: TS. Mai Hạnh Nguyễn

Email: mainguyen_tnmt@yahoo.com.vn

Người phản biện: PGS.TS. Phạm Thanh Vũ

Email: ptvu@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 25/12/2021

Ngày thông qua phản biện: 25/02/2022

Ngày duyệt đăng: 05/3/2022